TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST Ngày 29-8-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thi

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Ngô Trí Thắng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, nơi cư trú: Xóm B, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H, nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 01 năm 1998. Sau khi kết hôn vợ chồng cư trú tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng đến khoảng năm 2015 thì vợ

chồng về cư trú tại xóm B, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và do anh H không tôn trọng bố mẹ vợ, gia trưởng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh H đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc L sinh ngày 28 tháng 3 năm 1999 và Phạm Gia H sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012, ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Gia H cho chị nuôi dưỡng, đối với con chung Phạm Thị Ngọc L đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống của mình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn H. Về con chung: Giao con chung Phạm Gia H sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; đối với con chung Phạm Thị Ngọc L sinh ngày 28 tháng 3 năm 1999 đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình. Về tài sản chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có ly do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 01 năm 1998, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc L sinh ngày 28 tháng 3 năm 1999 và Phạm Gia H sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012. Sau ly hôn, chị T có quan điểm được nuôi dưỡng con chung Phạm Gia H, anh H không có quan điểm về con chung. Xét, con chung Phạm Gia H hiện chưa đủ 18 tuổi nên việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh H không có quan điểm về con chung nên không có sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề con chung, hiện chị T có công việc và thu nhập ổn định lại được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm sóc con, nguyên vọng của con là được ở với chị Tâm. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao con Phạm Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Phạm Thị Ngọc L đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có quan điểm về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Gia H sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Phạm Thị Ngọc L sinh ngày 28 tháng 3 năm 1999 đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004302 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã A, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên